

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2021**

---

**Tháng 7 năm 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Như Hà	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Tài	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Hiền Hòa	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Hiền Hòa	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)
Ông Kiên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

#### Họ và tên

#### Chức vụ

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Văn Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Số: 326 /VACO/BCSX.NV2

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 7 năm 2021, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lê Xuân Thắng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**Văn Phòng Hồ Chí Minh**

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ

P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3840 6618

Fax: (84-28) 3840 6616

**Văn Phòng Đồng Nai**

Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng

Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Tel: (84-251) 382 8560

Fax: (84-251) 382 8560

**Văn Phòng Hải Phòng**

Manhattan số 05-04, khu Vinhomes Imperia

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-225) 353 4655

Fax: (84-225) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.865.844.785</b>	<b>59.578.951.217</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>10.962.296.592</b>	<b>11.397.082.978</b>
1. Tiền	111		4.962.296.592	3.397.082.978
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.600.000.000</b>	<b>4.600.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.600.000.000	4.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.900.450.483</b>	<b>40.593.799.056</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.433.103.855	27.608.983.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.717.783.149	2.230.138.954
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.112.684.191	11.117.797.363
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(363.120.712)	(363.120.712)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>4.300.996.032</b>	<b>2.988.069.183</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.300.996.032	2.988.069.183
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.101.678</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.617.977	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	52.483.701	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.317.106.355</b>	<b>42.072.594.068</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.498.533.719</b>	<b>35.308.796.650</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	34.216.809.325	34.946.878.458
- Nguyên giá	222		41.236.936.756	41.236.936.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.020.127.431)	(6.290.058.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	281.724.394	361.918.192
- Nguyên giá	228		1.090.797.838	1.090.797.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(809.073.444)	(728.879.646)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>69.133.860</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		69.133.860	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>6.394.663.122</b>	<b>6.394.663.122</b>
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		4.175.749.605	4.175.749.605
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.375.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(156.086.483)	(156.086.483)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>354.775.654</b>	<b>369.134.296</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	354.775.654	369.134.296
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>95.182.951.140</b>	<b>101.651.545.285</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021*

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.179.008.485</b>	<b>44.730.383.800</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.542.890.985</b>	<b>44.094.266.300</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.138.362.967	3.867.817.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	20.820.940.578	18.567.790.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	212.761.561	694.851.823
4. Phải trả người lao động	314		5.459.108.539	7.555.144.142
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		42.420.231	132.928.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	285.871.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.431.685.989	11.302.251.022
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.437.611.120	1.687.611.120
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>636.117.500</b>	<b>636.117.500</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	636.117.500	636.117.500
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.003.942.655</b>	<b>56.921.161.485</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>54.993.942.655</b>	<b>56.911.161.485</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	28.754.235
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.580.149.036	14.580.149.036
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.385.039.384	6.302.258.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.652.258.214	1.696.763.118
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.732.781.170	4.605.495.096
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>95.182.951.140</b>	<b>101.651.545.285</b>



**Lê Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**Ngô Lan Phương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thảo**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		54.042.281.451	50.319.186.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	54.042.281.451	50.319.186.653
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	47.464.975.172	43.467.909.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.577.306.279	6.851.277.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	275.110.191	714.339.524
7. Chi phí tài chính	22	24	6.196.246	1.749.891
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.713.082.338	4.522.103.428
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		2.133.137.886	3.041.763.516
10. Thu nhập khác	31	27	1.259.904.484	321.592.080
11. Chi phí khác	32	28	14.786.411	13.517
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.245.118.073	321.578.563
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.378.255.959	3.363.342.079
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	645.474.789	580.782.211
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.732.781.170	2.782.559.868
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	759,11	772,93



*Lê Văn Tuấn*  
Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

*Ngô Lan Phương*  
Ngô Lan Phương  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Thảo*  
Nguyễn Thị Thảo  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.378.255.959	3.363.342.079
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	810.262.931	605.531.421
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	706.787	1.075.918
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(274.202.571)	(682.896.882)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.915.023.106	3.287.052.536
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	9.575.383.881	4.708.733.911
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(1.312.926.849)	154.699.576
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.396.850.104)	(4.313.993.166)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	14.358.642	55.792.671
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(550.000.000)	(300.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(300.000.000)	(366.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.944.988.676	3.226.285.528
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(69.133.860)	(179.658.229)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	290.065.585	366.922.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.779.068.275)	187.264.653
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.600.000.000)	(4.303.634.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.600.000.000)	(4.303.634.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(434.079.599)	(890.083.979)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.397.082.978	11.158.487.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(706.787)	(1.075.918)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.962.296.592	10.267.327.881



**Lê Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**Ngô Lan Phương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thảo**  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội Thiết kế Công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình Kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp Thiết kế Cấp Thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp Thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0100104972.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 226 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 239 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

##### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình điện;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

#### Hoạt động chính của Công ty là:

Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát thiết kế, quản lý dự án bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư; Dự án đầu tư xây dựng công trình; Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Hồ sơ thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt cho các công trình.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Số 179 Đinh Tiên Hoàng, phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	48,81%	48,81%	Tư vấn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

### 2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

#### Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;

##### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với phần mềm máy tính được khấu hao với thời gian 05 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản phí bảo trì cho sàn tòa nhà được phân bổ dựa theo thời gian đưa vào sử dụng của TSCĐ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

##### Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, xây dựng các công trình công ích và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.309.142.654	691.320.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.653.153.938	2.705.762.764
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.962.296.592</u></b>	<b><u>11.397.082.978</u></b>

**Ghi chú:**

(i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	7.600.000.000	4.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.600.000.000</u></b>	<b><u>4.600.000.000</u></b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.216.512.100	1.049.367.100
Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	4.266.680.000	5.419.837.500
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	2.191.756.596	2.183.344.140
Các đối tượng khác	8.758.155.159	18.956.434.711
<b>Cộng</b>	<b>16.433.103.855</b>	<b>27.608.983.451</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Lạc Việt	924.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	648.299.784	648.299.784
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng tái tạo	-	499.590.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Dương	-	247.971.841
Công ty Cổ phần Xây dựng DILEC	-	607.763.600
Các đối tượng khác	145.483.365	226.513.729
<b>Cộng</b>	<b>1.717.783.149</b>	<b>2.230.138.954</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng CBCNV (i)	10.528.605.361	-	9.128.161.597	-
Phải thu khác	2.584.078.830	-	1.989.635.766	-
- Phải thu người lao động	1.634.235.398	-	1.357.856.432	-
- Phải thu về thuế TNCN	662.215.128	-	226.033.501	-
- Các khoản phải thu khác	287.628.304	-	405.745.833	-
<b>Cộng</b>	<b>13.112.684.191</b>	<b>-</b>	<b>11.117.797.363</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- (i) Tiền tạm ứng là khoản tiền Công ty cho người lao động vay để thực hiện nhiệm vụ SXKD hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Oriental Consultants Co., Ltd	24.206.948	-	24.206.948	-
Ông Nguyễn Việt Thành	84.049.777	-	84.049.777	-
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	2.455.893	-	2.455.893	-
Công ty Cổ phần Toàn Thịnh Phát	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Công Chánh	421.130.581	280.791.406	421.130.581	280.791.406
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	12.607.344	9.168.977	12.607.344	9.168.977
Ban Quản lý Dự án Vùng phụ cận Thành phố Vinh	299.687.356	251.056.804	299.687.356	251.056.804
<b>Cộng</b>	<b>904.137.899</b>	<b>541.017.187</b>	<b>904.137.899</b>	<b>541.017.187</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.300.996.032	-	2.988.069.183	-
<b>Cộng</b>	<b>4.300.996.032</b>	<b>-</b>	<b>2.988.069.183</b>	<b>-</b>

*Chi tiết các dự án thực hiện dở dang cuối kỳ như sau:*

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dịch vụ kỹ thuật, giám sát thi công cho dự án cải thiện môi trường nước Thành phố Hồ Chí Minh, lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé - Đồi Tè (Giai đoạn 2)	2.416.612.200	-	168.420.000	-
Dịch vụ tư vấn, giám sát thi công hợp phần nước mưa nước thải, Hải Phòng (JICA)	292.690.000	-	1.027.581.900	-
Khảo sát, lập dự án Đầu tư xây dựng mạng đường ống cấp 3 thu gom và đầu nối NTSH hộ gia đình tại Thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	327.806.192	-	327.806.192	-
Thi công xây lắp trạm chức năng khu đô thị Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội	332.263.202	-	332.263.202	-
Các dự án khác	931.624.438	-	1.131.997.889	-
<b>Cộng</b>	<b>4.300.996.032</b>	<b>-</b>	<b>2.988.069.183</b>	<b>-</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	446.803.960	3.841.020.756	4.287.824.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.133.204	645.474.789	550.000.000	206.607.993
Thuế thu nhập cá nhân	127.378.924	991.832.195	1.119.211.119	-
Thuế tài nguyên	9.535.735	27.037.953	30.420.120	6.153.568
Các loại thuế khác	-	288.636.400	288.636.400	-
<b>Cộng</b>	<b>694.851.823</b>	<b>5.794.002.093</b>	<b>6.276.092.355</b>	<b>212.761.561</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	52.483.701	52.483.701
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.483.701</b>	<b>52.483.701</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	29.566.515.435	10.092.300.924	781.938.647	796.181.750	41.236.936.756
Số dư cuối kỳ	29.566.515.435	10.092.300.924	781.938.647	796.181.750	41.236.936.756
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	2.614.448.399	2.980.198.410	681.509.903	13.901.586	6.290.058.298
Khấu hao trong kỳ	375.482.430	287.994.084	9.722.495	56.870.124	730.069.133
Số dư cuối kỳ	2.989.930.829	3.268.192.494	691.232.398	70.771.710	7.020.127.431
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	26.952.067.036	7.112.102.514	100.428.744	782.280.164	34.946.878.458
Số dư cuối kỳ	26.576.584.606	6.824.108.430	90.706.249	725.410.040	34.216.809.325

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với giá trị là 933.422.364 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 692.115.348 VND).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	1.090.797.838	1.090.797.838
Số dư cuối kỳ	1.090.797.838	1.090.797.838
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	728.879.646	728.879.646
Khấu hao trong kỳ	80.193.798	80.193.798
Số dư cuối kỳ	809.073.444	809.073.444
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	361.918.192	361.918.192
Số dư cuối kỳ	281.724.394	281.724.394

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với giá trị là 288.859.900 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 288.859.900 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>4.175.749.605</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>	<b>4.175.749.605</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	1.855.800.000	-	(i)	1.855.800.000	-	(i)
Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	-	(i)	1.385.860.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	934.089.605	-	(i)	934.089.605	-	(i)
<b>b) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.375.000.000</b>	<b>(156.086.483)</b>	<b>(i)</b>	<b>2.375.000.000</b>	<b>(156.086.483)</b>	<b>(i)</b>
Công ty CP Bất động sản Lilama	375.000.000	-	(i)	375.000.000	-	(i)
Công ty CP Bất động sản An Việt	2.000.000.000	(156.086.483)	(i)	2.000.000.000	(156.086.483)	(i)
<b>Cộng</b>	<b>6.550.749.605</b>	<b>(156.086.483)</b>	<b>(i)</b>	<b>6.550.749.605</b>	<b>(156.086.483)</b>	<b>(i)</b>

**Ghi chú:**

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì các công ty trên đều không phải Công ty đại chúng và không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát.

Ngoài ra, tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết trong kỳ như sau:

- Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn: Lợi nhuận sau thuế của năm 2020 là 735.578.788 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 735.578.788 VND.

- Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông: Lợi nhuận sau thuế của năm 2020 là 266.245.729 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 266.245.729 VND.

- Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt: Lợi nhuận sau thuế của năm 2020 là 216.853.885 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 216.853.885 VND.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>354.775.654</b>	<b>369.134.296</b>
Chi phí bảo trì sản văn phòng	70.433.607	369.134.296
Công cụ dụng cụ xuất dùng	284.342.047	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>2.138.362.967</b>	<b>2.138.362.967</b>	<b>3.867.817.763</b>	<b>3.867.817.763</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	221.606.804	221.606.804	221.118.804	221.118.804
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	47.510.070	47.510.070	479.640.040	479.640.040
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	353.798.836	353.798.836	412.873.662	412.873.662
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu Khí - Ban Điều hành Dự án 97-99 Láng Hạ	605.200.000	605.200.000	605.200.000	605.200.000
Công ty Cổ phần Tư vấn T27	566.984.000	566.984.000	1.700.952.000	1.700.952.000
Các đối tượng khác	343.263.257	343.263.257	448.033.257	448.033.257
<i>- Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<b>401.308.906</b>	<b>401.308.906</b>	<b>892.513.702</b>	<b>892.513.702</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	47.510.070	47.510.070	479.640.040	479.640.040
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	353.798.836	353.798.836	412.873.662	412.873.662
<b>Cộng</b>	<b>2.138.362.967</b>	<b>2.138.362.967</b>	<b>3.867.817.763</b>	<b>3.867.817.763</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Môi trường bền vững Phan Rang	-	2.544.126.024
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Vinh	4.200.000.000	1.695.268.500
Công ty TNHH Xây dựng Kim Toàn	1.800.735.000	-
Công ty Cổ phần Nước Aquaone Long An	3.600.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng số 2 TP Bắc Giang	1.570.416.000	1.570.416.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Đà Nẵng	1.325.224.000	1.044.933.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang	1.560.000.000	1.560.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng	1.146.840.000	1.146.840.000
Các đối tượng khác	5.617.725.578	9.006.207.088
<b>Cộng</b>	<b>20.820.940.578</b>	<b>18.567.790.612</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.431.685.989</b>	<b>11.302.251.022</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	40.000.000
Phải trả CBCNV nhận khoán:	8.320.550.313	11.262.251.022
Ông Nguyễn Hiền Hòa	385.738.485	1.502.162.385
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	967.417.258	1.726.981.321
Ông Chu Linh Ngọc	1.220.441.500	1.466.682.368
Ông Lê Văn Dương	894.615.389	1.073.238.359
Các đối tượng khác	4.852.337.681	5.493.186.589
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	111.135.676	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>636.117.500</b>	<b>636.117.500</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	636.117.500	636.117.500
<b>Cộng</b>	<b>9.067.803.489</b>	<b>11.938.368.522</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong kỳ**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	6.516.763.118	57.125.666.389
Lãi trong năm	-	-	-	4.605.495.096	4.605.495.096
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.820.000.000)	(4.820.000.000)
Số dư đầu kỳ này	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	6.302.258.214	56.911.161.485
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.732.781.170	2.732.781.170
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(4.650.000.000)	(4.650.000.000)
Số dư cuối kỳ này	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	4.385.039.384	54.993.942.655

**Ghi chú:**

(i) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHCD-VIWASE của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 4 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Chia cổ tức với tỷ lệ 10%/cổ phần, tương đương 3.600.000.000 VND;
- Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty là 300.000.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 750.000.000 VND.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	SL cổ phiếu	VND	%	SL cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	4.320.000.000

*d) Cổ phiếu*

	Kỳ này	Kỳ trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
- USD	543,70	555,46
- EUR	218,50	223,84

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	52.722.315.737	47.904.962.975
Doanh thu vật tư, xây lắp, phân tích mẫu nước	779.206.654	1.919.090.178
Doanh thu kinh doanh nước sạch	540.759.060	495.133.500
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>54.042.281.451</b>	<b>50.319.186.653</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	46.181.720.058	40.860.321.356
Giá vốn vật tư, xây lắp và phân tích mẫu nước	759.580.380	1.973.241.775
Giá vốn kinh doanh nước sạch	523.674.734	634.346.211
<b>Cộng</b>	<b>47.464.975.172</b>	<b>43.467.909.342</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.613.771	186.761.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	185.588.800	496.135.800
Doanh thu tài chính khác	907.620	31.442.642
<b>Cộng</b>	<b>275.110.191</b>	<b>714.339.524</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.196.246	1.075.918
Chi phí tài chính khác	-	673.973
<b>Cộng</b>	<b>6.196.246</b>	<b>1.749.891</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	2.377.164.500	2.159.982.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.690.075	65.662.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	223.798.824	231.141.456
Thuế, phí và lệ phí	1.127.637.711	51.128.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	594.012.581	1.397.076.952
Chi phí bằng tiền khác	374.778.647	617.111.851
<b>Cộng</b>	<b>4.713.082.338</b>	<b>4.522.103.428</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	22.731.371.166	21.471.412.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.262.931	605.531.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.538.875.674	20.154.610.400
Chi phí khác bằng tiền	16.410.474.588	5.603.758.868
<b>Cộng</b>	<b>53.490.984.359</b>	<b>47.835.313.194</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê căn hộ, văn phòng, thang máy...	1.259.850.909	321.591.103
Thu nhập khác	53.575	977
<b>Cộng</b>	<b>1.259.904.484</b>	<b>321.592.080</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí quản lý và tiền điện sàn văn phòng	14.786.411	-
Khác	-	13.517
<b>Cộng</b>	<b>14.786.411</b>	<b>13.517</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.378.255.959</b>	<b>3.363.342.079</b>
Điều chỉnh cho các khoản:	(150.882.013)	(459.431.026)
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	34.706.787	36.704.774
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	34.000.000	36.000.000
- Tiền phạt, truy thu thuế	-	13.517
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	706.787	1.075.918
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	(384.661)
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(185.588.800)	(496.135.800)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.227.373.946</b>	<b>2.903.911.053</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>645.474.789</b>	<b>580.782.211</b>

Trong kỳ, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế	2.732.781.170	2.782.559.868
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.732.781.170	2.782.559.868
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>759,11</b>	<b>772,93</b>
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.962.296.592)	(11.397.082.978)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	54.993.942.655	56.911.161.485
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.962.296.592	11.397.082.978
Các khoản đầu tư tài chính	7.600.000.000	4.600.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.654.061.973	29.235.498.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.216.358.565</b>	<b>45.232.581.483</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.206.166.456	15.806.186.285
Chi phí phải trả	42.420.231	132.928.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.248.586.687</b>	<b>15.939.114.285</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo này do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.962.296.592	-	10.962.296.592
Các khoản đầu tư tài chính	7.600.000.000	-	7.600.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.654.061.973	-	18.654.061.973
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.216.358.565</b>	<b>-</b>	<b>37.216.358.565</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.570.048.956	636.117.500	11.206.166.456
Chi phí phải trả	42.420.231	-	42.420.231
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.612.469.187</b>	<b>636.117.500</b>	<b>11.248.586.687</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>26.603.889.378</b>	<b>(636.117.500)</b>	<b>25.967.771.878</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.397.082.978	-	11.397.082.978
Các khoản đầu tư tài chính	4.600.000.000	-	4.600.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.235.498.505	-	29.235.498.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.232.581.483</b>	<b>-</b>	<b>45.232.581.483</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.170.068.785	636.117.500	15.806.186.285
Chi phí phải trả	132.928.000	-	132.928.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.302.996.785</b>	<b>636.117.500</b>	<b>15.939.114.285</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>29.929.584.698</b>	<b>(636.117.500)</b>	<b>29.293.467.198</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	Công ty liên kết
Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

*Ngoài các số dư đã được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu trong kỳ với các bên liên quan như sau:*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	-	-
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	6.226.560	416.244.930
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	1.351.995.952	803.829.000
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	-	70.556.508
Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	-	93.007.322
<b>Nhận cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	-	241.254.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	110.868.800	180.161.800
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt	74.720.000	74.720.000

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Thanh Hải	149.000.000	156.000.000
Ông Nguyễn Như Hà	8.000.000	12.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	14.000.000	12.000.000
Ông Đoàn Nam Anh	8.000.000	12.000.000
Ông Phùng Ngọc Quang	8.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Bá Minh	14.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thành Tài	14.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	6.000.000	-
Ông Nguyễn Hiền Hòa	6.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	6.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Lê Văn Tuấn	129.500.000	129.000.000
Ông Nguyễn Thành Tài	99.800.000	99.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	99.000.000	97.800.000
Ông Nguyễn Hiền Hòa	96.800.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	96.800.000	96.000.000
Ông Kiên Hùng	103.300.000	102.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>858.200.000</b>	<b>847.800.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.



**Lê Văn Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021*

**Ngô Lan Phương**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thảo**  
**Người lập biểu**